BỘ NÔNG NGHIỆP
VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN
HỌC VIỆN NÔNG NGHIỆP VIỆT NAM

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC ĐẠI HỌC

Tên ngành đào tạo: QUẢN LÝ BẤT ĐỘNG SẢN (Real Estate Management)

Trình độ đào tạo: Đại học
Mã ngành: 7.85.01.18
Loại hình đào tạo: Chính quy tập trung
Thời gian đào tạo: 4 năm
Tổng số tín chỉ yêu cầu: 131 tín chỉ
Tên văn bằng: Quản lý bất động sản
Nơi cấp bằng: Học viện Nông nghiệp Việt Nam

1. Mục tiêu đào tạo và chuẩn đầu ra:

1.1 Mục tiêu chương trình

Mục tiêu chung:

Ngành Quản lý bất động sản nhằm đào tạo nguồn nhân lực có đạo đức nghề nghiệp, có năng lực chuyên môn, có khả năng làm việc độc lập và ứng dụng các kiến thức đã học để giải quyết những vấn đề thực tiễn liên quan đến quản lý bất động sản.

Mục tiêu cụ thể:

Người học sau khi tốt nghiệp ngành Quản lý bất động sản sẽ:

MT1: Người học sau khi tốt nghiệp ngành Quản lý bất động sản trở thành các nhà quản lý, người làm việc trong lĩnh vực quản lý bất động sản mang tính chuyên nghiệp cao.

MT2: Giải quyết những vấn đề thực tiễn trong lĩnh vực Quản lý bất động sản và các lĩnh vực liên quan, đóng góp cho sự phát triển của ngành và sự phát triển kinh tế xã hội.

MT3: Yêu nghề, có trách nhiệm trong công việc, tôn trọng đồng nghiệp và có đạo đức nghề nghiệp.

1.2 Chuẩn đầu ra

Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo Sau khi hoàn tất chương trình, sinh viên có thể:
Kiến thức chung

Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo Sau khi hoàn tất chương trình, sinh viên có thể:
CĐR1: **Áp dụng** kiến thức toán, khoa học tự nhiên, môi trường, chính trị, xã hội vào lĩnh vực quản lý bất động sản;
Kiến thức chuyên môn
CĐR2: **Phân tích** ảnh hưởng của các yếu tố kinh tế, chính sách, pháp luật đến quản lý, kinh doanh bất động sản;
CĐR3: **Đánh giá** công tác quản lý, định giá bất động sản và đề xuất chính sách để phục vụ mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội;
CĐR4: **Lập** dự án đầu tư, kinh doanh bất động sản đáp ứng các yêu cầu phát triển kinh tế xã hội.
Kỹ năng chung
CĐR5: **Vận dụng** tư duy phản biện và sáng tạo vào giải quyết các vấn đề thực tiễn trong lĩnh vực quản lý và kinh doanh bất động sản một cách có hiệu quả;
CĐR6: **Giao tiếp** hiệu quả bằng lời nói, văn bản, đa phương tiện với các bên liên quan trong môi trường đa dạng, đa văn hóa và sử dụng thông thạo tiếng Anh;
CĐR7: **Làm việc** nhóm và lãnh đạo nhóm làm việc đạt mục tiêu đề ra;
Kỹ năng chuyên môn
CĐR8: **Vận dụng phối hợp** công nghệ thông tin và thiết bị hiện đại để xây dựng hệ thống thông tin bất động sản phục vụ hiệu quả công tác quản lý bất động sản;
CĐR9: **Vận dụng** kỹ năng điều tra, thu thập, xử lý thông tin để giải quyết các vấn đề trong lĩnh vực quản lý bất động sản.
CĐR10: **Thực hiện thành thạo** các nghiệp vụ hành chính, pháp lý trong lĩnh vực quản lý bất động sản.
Năng lực tự chủ và trách nhiệm
CĐR11: **Tuân thủ pháp luật,** tôn trọng văn hóa của tổ chức, các chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp, trách nhiệm trong quản lý, kinh doanh bất động sản phục vụ phát triển bền vững;
CĐR12: **Định hướng** tương lai rõ ràng, có lòng đam mê nghề nghiệp và ý thức học tập suốt đời;

** Ghi chú: Các chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo được đối sánh với các chương trình đào tạo:*

+ Bộ Tiêu chuẩn AUN (ASEAN University Network);

+ Chuẩn đầu ra và chương trình đào tạo ngành Quản lý đất đai, trường đại học Feng Chia, Đài Loan;

+ Chuẩn đầu ra và chương trình đào tạo ngành Quản lý và phát triển bất động sản, Viện công nghệ Imperia, Malaysia;

+ Chuẩn đầu ra và chương trình đào tạo ngành Quy hoạch đất đai và Quản lý bất động sản, Trường đại học Kỹ thuật Kiến trúc dân dụng và Trắc địa, Bungari;

2. Cơ hội việc làm và định hướng học tập nâng cao trình độ sau khi tốt nghiệp

- ***Lĩnh vực***

Các lĩnh vực công việc mà người học sau khi tốt nghiệp có thể tham gia:

- Quản lý nhà nước về bất động sản, đất đai và xây dựng.
- Quản lý đô thị và quy hoạch.
- Quản lý, sử dụng đất đai và tài nguyên môi trường.
- Tài chính, ngân hàng và tín dụng liên quan đến bất động sản.
- Định giá đất, định giá bất động sản và môi giới bất động sản.
- Kinh doanh và đầu tư bất động sản.
- Tư vấn quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất và quy hoạch xây dựng.
- Giảng dạy, đào tạo và nghiên cứu về Quản lý bất động sản.

- ***Vị trí***

Sau khi tốt nghiệp, người học có thể đảm nhận các vị trí:

- Lãnh đạo, quản lý.
- Chuyên viên quản lý bất động sản, đất đai, xây dựng, quy hoạch, tài chính – kế hoạch.
- Công chức địa chính – xây dựng tại xã, phường, thị trấn.
- Thanh tra xây dựng.
- Nhân viên tư vấn về bất động sản, đất đai, quy hoạch và đầu tư.
- Nhân viên định giá đất, định giá bất động sản.
- Nhân viên môi giới bất động sản.
- Nhân viên kinh doanh, đầu tư bất động sản.
- Giảng viên ngành Quản lý bất động sản.
- Nghiên cứu viên trong lĩnh vực đất đai, bất động sản, xây dựng và quy hoạch.

- ***Nơi làm việc***

- Cơ quan quản lý nhà nước cấp Trung ương: Bộ Tài chính; Ngân hàng Nhà nước Việt Nam; Bộ Xây dựng; Bộ Khoa học và Công nghệ; Bộ Tài nguyên và Môi trường; Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
- Cơ quan, viện nghiên cứu chuyên ngành: Cục Quản lý Nhà và Thị trường Bất động sản; Viện Kinh tế xây dựng; Tổng cục Quản lý đất đai; Viện Quy hoạch Đô thị và Nông thôn; Viện Nghiên cứu Quản lý đất đai;
- Cơ quan quản lý cấp tỉnh/thành phố: Sở Xây dựng; Sở Tài chính; Sở Kế hoạch và Đầu tư; Sở Quy hoạch – Kiến trúc; Sở Tài nguyên và Môi trường;
- Cơ quan quản lý cấp huyện: Phòng Quản lý đô thị; Phòng Kinh tế và Hạ tầng; Phòng Công thương; Phòng Tài nguyên và Môi trường; Phòng Tài chính – Kế hoạch;

- Cơ quan cấp xã: UBND xã, phường, thị trấn – vị trí công chức Địa chính – Xây dựng; Thanh tra xây dựng;
- Ngân hàng và tổ chức tài chính: Các ngân hàng, tổ chức tín dụng;
- Đơn vị kinh doanh, dịch vụ, tư vấn bất động sản: Trung tâm định giá đất; doanh nghiệp môi giới nhà đất; sàn giao dịch bất động sản; Trung tâm tư vấn lập quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất; đơn vị tư vấn quy hoạch xây dựng; công ty tài nguyên và môi trường; Các doanh nghiệp đầu tư, kinh doanh bất động sản;
- Cơ sở giáo dục: Trường đại học, cao đẳng, trung cấp có đào tạo ngành/chuyên ngành liên quan đến Quản lý bất động sản

- ***Cơ hội học tập sau khi tốt nghiệp***

  Người học tốt nghiệp đại học ngành Quản lý bất động sản có thể tiếp tục học tập nâng cao trình độ ở trong và ngoài nước thuộc các ngành và chuyên ngành sau:

  + Thạc sĩ Quản lý đất đai;
  + Thạc sĩ Quản lý Tài nguyên và môi trường;
  + Thạc sĩ Quản trị kinh doanh, Quản lý kinh tế
  + Thạc sĩ Quản lý đô thị
  + Tiến sĩ Quản lý đất đai;
  + Tiến sĩ Quản lý Tài nguyên và môi trường;
  + Tiến sĩ Kinh tế

3. Đối tượng tuyển sinh và Phương thức tuyển sinh:

Ứng viên phải đáp ứng các yêu cầu chung và cụ thể của Học viện để được nhận vào chương trình:

- ***Đối với sinh viên Việt Nam:*** là những người tốt nghiệp THPT hoặc tương đương
- ***Đối với sinh viên quốc tế (nếu có, vd SV Lào, Campuchia…):*** Sinh viên quốc tế đã tốt nghiệp bậc phổ thông trung học nộp bảng điểm và nguyện vọng học tập về Ban HTQT. Ban HTQT sẽ có trách nhiệm liên hệ với Khoa và Ban QLĐT để xét duyệt.

4. Triết lý giáo dục và Chiến lược dạy và học

- ***Triết lý giáo dục***

  Triết lý giáo dục "Constructivism" - Kiến tạo.

- ***Chiến lược dạy và học***

  Triết lý này được chương trình triển khai theo 2 nguyên tắc dạy và học:

  - Việc học bắt đầu khi người học có đam mê hướng đến chủ đề học tập.

  - Người học tự xây dựng kiến thức và kinh nghiệm mới dựa trên kiến thức và kinh nghiệm có sẵn.

5. Phương pháp đánh giá

- Đánh giá SV tương tích kiến tạo với Bộ CĐR.

- Phương pháp đánh giá bao gồm đánh giá đầu vào, đánh giá tiến trình và cuối môn học và đánh giá đầu ra

+ *Đánh giá đầu vào*: Tuyển sinh đầu vào theo quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo và theo quy định của Học viện. Sau khi sinh viên nhập học tổ chức đánh giá đầu vào tiếng Anh theo hình thức thi tập trung để phân loại sinh viên và xếp lớp học tiếng Anh phù hợp.

+ *Đánh giá tiến trình và cuối môn học:* Các phương pháp đánh giá sinh viên rất đa dạng bao gồm tương tác trong lớp học, làm bài tập, làm việc nhóm, tiểu luận, báo cáo thuyết trình, thực hành, kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

+ *Đánh giá đầu ra (exit assessment)*: 100% sinh viên trước khi tốt nghiệp đều bắt buộc phải làm khoá luận tốt nghiệp trong thời gian ít nhất 6 tháng. Sinh viên được đăng ký thực hiện khóa luận tốt nghiệp khi tích lũy được tối thiểu 70% số tín chỉ của CTĐT (không tính tín chỉ Giáo dục thể chất và Giáo dục quốc phòng) và điểm trung bình chung tích lũy tại thời điểm xét ≥ 2,00. Bên cạnh đó, sinh viên bắt buộc phải tham gia và đạt yêu cầu ở kỳ thi chuẩn đầu ra tiếng Anh và tin học theo quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

6. Thang điểm, quy trình đào tạo và điều kiện tốt nghiệp:

Thang điểm 10 đối với các học phần, sau đó qui đổi thành thang điểm 4

Thang điểm quy đổi đối với học phần:

TT	Thang điểm 10	Thang điểm 4		Đạt/ không đạt	Xếp loại kết quả học tập
		Điểm chữ	Điểm số		
1	Từ 8,5 – 10	A	4,0	Đạt	Giỏi
2	Từ 8,0 – 8,4	B+	3,5	Đạt	Khá
3	Từ 7,0 – 7,9	B	3,0	Đạt	Khá
4	Từ 6,5 – 6,9	C+	2,5	Đạt	Trung bình
5	Từ 5,5 – 6,4	C	2,0	Đạt	Trung bình
6	Từ 5,0 – 5,4	D+	1,5	Đạt	Trung bình kém
7	Từ 4,0 – 4,9	D	1,0	Đạt	Trung bình kém
8	Dưới 4,0	F	0	Không đạt	Kém

Thang điểm xếp hạng tốt nghiệp được xác định theo điểm trung bình chung tích lũy của toàn khóa học như sau:

TT	Điểm trung bình chung tích lũy	Xếp hạng tốt nghiệp
1	3,60 – 4,00	Xuất sắc
2	3,20 - 3,59	Giỏi
3	2,50 - 3,19	Khá
4	2,00 - 2,49	Trung bình
5	< 2,00	Không đạt

Quy trình đào tạo: Sinh viên tích lũy đủ 131 tín chỉ của CTĐT với 40 tín chỉ đại cương, 22 tín chỉ cơ sở ngành, 69 tín chỉ chuyên ngành (117 tín chỉ bắt buộc, 14 tín chỉ tự chọn). Sinh viên hoàn thành chứng chỉ với 03 tín chỉ giáo dục thể chất, 11 tín chỉ giáo dục quốc phòng, 06 tín chỉ kỹ năng mềm và ….tín chỉ tin học. Các học phần được sắp xếp trong 08 học kì, tương đương 4 năm.

Điều kiện tốt nghiệp: Sinh viên đủ điều kiện tốt nghiệp khi tích lũy đủ 131 tín chỉ của CTĐT; điểm trung bình chung tích lũy của toàn khóa học đạt từ 2,00 trở lên; tiếng Anh tối thiểu đạt B1 theo khung tham chiếu chung châu Âu hoặc tương đương; có chứng chỉ giáo dục thể chất và giáo dục quốc phòng – an ninh (điểm của học phần về thể chất và giáo dục quốc phòng không tính vào điểm tích lũy chung); có chứng chỉ kỹ năng mềm; hoàn thành bản thanh toán ra trường và nghĩa vụ lao động sinh viên; có đơn gửi Ban Quản lý đào tạo đề nghị được xét tốt nghiệp trong trường hợp đủ điều kiện tốt nghiệp sớm hơn hoặc muộn hơn so với thời gian thiết kế của khoá học.

(Theo quy chế đào tạo trình độ đại học theo phương thức tín chỉ ban hành kèm theo Quyết định số 2021/QĐ-HVN, ngày 29 tháng 4 năm 2021: https://file.vnua.edu.vn/data/0/documents/2021/11/30/host/qd2021-29-04-2021.pdf)

7. Cấu trúc và nội dung chương trình:

Khối kiến thức	Tổng số tín chỉ	Tỷ lệ (%)
Đại cương	40	30,5
Cơ sở ngành	22	16,8
Chuyên ngành	69	52,7
Tổng số tín chỉ bắt buộc	117	89,3
Tổng số tín chỉ tự chọn	14	10,7
Tổng số tín chỉ của chương trình đào tạo	131	100,0

Nội dung chương trình

TT	Năm	Mã học phần	Tên học phần	Tên tiếng Anh của học phần	Tổng số TC	LT	TH	BB/TC	Học phần tiên quyết (chữ đậm)/ Học phần song hành	Mã học phần tiên quyết/học phần song hành
TỔNG SỐ PHẦN ĐẠI CƯƠNG					**40**					
1	1	ML01020	Triết học Mác-Lênin	Philosophy of Marxism and Leninism	3	3	0	BB		
2	1	ML01021	Kinh tế chính trị Mác-Lênin	Political economy of Marxism and Leninism	2	2	0	BB		
3	2	ML01022	Chủ nghĩa xã hội khoa học	Socialism	2	2	0	BB		
4	2	ML01005	Tư tưởng Hồ Chí Minh	Ho Chi Minh ideology	2	2	0	BB		
5	3	ML01023	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	Vietnamese Communist Party History	2	2	0	BB		
6	2	SN01032	Tiếng Anh 1	English 1	3	3	0	BB		
7	2	SN01033	Tiếng Anh 2	English 2	3	3	0	BB	Tiếng Anh 1	SN01032
8	1	TH01009	Tin học đại cương	Basics of Informatics	2	1	1	BB		
9	1	QL01015	Cấp thoát nước	Water Supply and Sanitation	2	2	0	BB		
10	1	KT02003	Nguyên lý kinh tế	Principles of Economics	3	2	0	BB		
11	1	ML01009	Pháp luật đại cương	Foundation law	2	2	0	BB		
12	1	QL02047	Thổ nhưỡng	Pedology	2	1,5	0,5	BB		
13	1	TH01007	Xác suất thống kê	Probability and statistics	3	3	0	BB		

TT	Năm	Mã học phần	Tên học phần	Tên tiếng Anh của học phần	Tổng số TC	LT	TH	BB/TC	Học phần tiên quyết (chữ đậm)/ Học phần song hành	Mã học phần tiên quyết/học phần song hành
14	1	QL02031	Trắc địa 1	Geodesy 1	2	1,5	0,5	BB		
15	1	KQ02106	Marketting căn bản	Basics of Marketing	3	3	0	BB		
16	1	QL02032	Đồ họa ứng dụng	Graphic Design Application	2	1	1	BB		
17	1	SN01016	Tâm lý học đại cương	Basic psychocology	2	2	0	TC		
18	1	ML01007	Xã hội học đại cương 1	Introduction to Sociology 1	2	2	0	TC		
19	1	QL02017	Bản đồ học	Cartography	2	1,5	0,5	TC		
TỔNG SỐ PHẦN CƠ SỞ NGÀNH					**22**					
20	2	ML03025	Luật đất đai	Land Law	2	2	0	BB		
21	2	QL02019	Hệ thống thông tin địa lý	Geographic Information System (GIS)	2	2	0	BB		
22	2	QL03094	Quy hoạch tổng thể phát triển KTXH	Master Planning	2	2	0	BB		
23	2	KT03099	Kinh tế bất động sản	Real Estate Economics	2	1,5	0,5	BB		
24	2	ML03044	Luật kinh doanh bất động sản	Real Estate Business Law	2	2	0	BB		
25	2	QL02022	Cơ sở dữ liệu đất đai	Land DataBase	2	1,5	0,5	BB		
26	2	QL03028	Quản lý nhà nước về đất đai	Land Administration	2	2	0	BB		

TT	Năm	Mã học phần	Tên học phần	Tên tiếng Anh của học phần	Tổng số TC	LT	TH	BB/TC	Học phần tiên quyết (chữ đậm)/ Học phần song hành	Mã học phần tiên quyết/học phần song hành
27	2	QL03087	Quy hoạch sử dụng đất	Land Use Planning	2	2	0	BB		
28	2	QL02016	Bản đồ địa chính	Cadastral Map	2	1,5	0,5	BB		
29	2	QL03014	Đánh giá đất	Land Evaluation	2	2	0	TC		
30	2	ML02032	Luật xây dựng và nhà ở	Construction Law and Housing Law	2	1,5	0,5	TC		
31	2	QL03053	Tin học ứng dụng VBĐ	Applied informatics in mapping	2	1	1	TC		
32	2	QL02029	Viễn thám	Remote sensing	2	1,5	0,5	TC		
TỔNG SỐ PHẦN CHUYÊN NGÀNH					**69**					
33	3	SN03097	Tiếng anh chuyên ngành quản lý BĐS	English for Real Estate Management	2	2	0	BB	Tiếng anh 2	SN01033
34	3	QL03092	Định giá bất động sản	Real Estate Valuation	2	1,5	0,5	BB		
35	3	QL03089	Quy hoạch đô thị và KDC nông thôn	Urban and rural residentail Planning	2	2	0	BB		
36	3	QL03088	Đăng ký thống kê đất đai	Land registration and statistics	2	1,5	0,5	BB	Quản lý nhà nước về đất đai	QL03028
37	3	QL03046	Hệ thống thông tin bất động sản	Real Estate Information system	2	1,5	0,5	BB	Hệ thống thông tin địa lý	QL02019
38	3	QL03074	Quản lý đất đô thị	Project of Land Use Planning	2	1,5	0,5	BB		

TT	Năm	Mã học phần	Tên học phần	Tên tiếng Anh của học phần	Tổng số TC	LT	TH	BB/TC	Học phần tiên quyết (chữ đậm)/ Học phần song hành	Mã học phần tiên quyết/học phần song hành
39	3	QL03077	Quản lý sàn giao dịch bất động sản	Real Estate Trade Center Management	2	2	0	BB	Định giá bất động sản	QL03092
40	3	QL03041	Thị trường bất động sản	Real Estate market	2	2	0	BB		
41	3	QL03078	Tư vấn đầu tư BĐS	Real Estate Investment Consulting	2	1,5	0,5	BB		
42	3	QL03029	Thanh tra đất	Land Inspection	2	1,5	0,5	BB	Quản lý nhà nước về đất đai	QL03028
43	3	QL03030	Thuế bất động sản	Real Estate Tax	2	1,5	0,5	BB		
44	3	QL03105	Đàm phán trong kinh doanh BĐS	Negotiations in the real estate business	2	1,5	0,5	BB		
45	3	QL03032	Quy hoạch cảnh quan	Landscape planning	2	1,5	0,5	BB		
46	3	QL03093	Quản trị bất động sản	Real Estate Management	2	1,5	0,5	BB		
47	3	QL03091	Giao đất và thu hồi đất	Land Allocation and Reclaime	3	2	1	BB	Luật đất đai	ML03025
48	4	QL04021	Thực tập nghề nghiệp 1 ngành Quản lý Bất động sản	Fieldtrips 1 of REM	10		10	BB	Quản lý nhà nước về đất đai	QL03028
49	4	QL04022	Thực tập nghề nghiệp 2 ngành Quản lý Bất động sản	Fieldtrips 2 of REM	10		10	BB	Thị trường BĐS	QL03041

TT	Năm	Mã học phần	Tên học phần	Tên tiếng Anh của học phần	Tổng số TC	LT	TH	BB/TC	Học phần tiên quyết (chữ đậm)/ Học phần song hành	Mã học phần tiên quyết/học phần song hành
50	4	QL04995	Khóa luận tốt nghiệp ngành Quản lý Bất động sản	Thesis	10		10	BB	Thực tập nghề nghiệp ngành Quản lý bất động sản 1,2	QL04021, QL04022
51	4	QL03034	Quy hoạch môi trường	Environmental Planning	2	2	0	TC		
52	4	QL03050	Tham vấn cộng đồng trong quản lý đất đai	Community based land management	2	2	0	TC		
53	4	QL03095	Quy hoạch vùng	Regional Planning	2	2	0	TC		
54	4	QL03042	Phương pháp lập dự án đầu tư	Investment project design methods	2	2	0	TC		
55	4	QL03080	Phong thủy trong kinh doanh bất động sản	Applying Feng-shui in Real estate business	2	1,5	0,5	TC		
56	4	QL03097	Hệ thống thông tin đất đai	Land Information System (LIS)	2	1,5	0,5	TC	Hệ thống thông tin địa lý	QL02019

Ghi chú: BB = bắt buộc; TC = tự chọn

**** Học phần kỹ năng mềm***

Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	BB/ TC
KN01001	Kỹ năng giao tiếp	2	TC
KN01002	Kỹ năng lãnh đạo	2	TC
KN01003	Kỹ năng quản lý bản thân	2	TC
KN01004	Kỹ năng tìm kiếm việc làm	2	TC
KN01005	Kỹ năng làm việc nhóm	2	TC
KN01006	Kỹ năng hội nhập	2	TC

Ghi chú: BB = bắt buộc; TC = tự chọn

**** Giáo dục thể chất và quốc phòng***

Nhóm học phần	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Mã HP tiên quyết	BB/TC
Giáo dục thể chất	GT01016	Giáo dục thể chất đại cương	1		BB
	GT01017/ GT01018/ GT01019/ GT01020/ GT01021/ GT01022/ GT01023/ GT01014/ GT01015	Giáo dục thể chất (Chọn 2 trong 9 HP: Điền kinh, Thể dục Aerobic, Bóng đá, Bóng chuyền, Bóng rổ, Cầu lông, Cờ vua, Khiêu vũ thể thao, Bơi)	2		BB
Giáo dục quốc phòng	QS01011	Đường lối quốc phòng an ninh của Đảng	3		BB
	QS01012	Công tác quốc phòng và an ninh	2		BB
	QS01013	Quân sự chung	2		BB
	QS01014	Kỹ thuật chiến đấu bộ binh và chiến thuật	4		BB
Tổng số			**14**		

Ghi chú: BB = bắt buộc; TC = tự chọn

*** Học phần tin học**

Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	BB/ TC
TH01009	Tin học đại cương	2	BB
ITC03001	CNTT ứng dụng trong nông nghiệp	2	TC
ITC03002	CNTT ứng dụng trong kinh tế-xã hội	2	TC
ITC03003	CNTT ứng dụng trong quản lý tài nguyên và MT	2	TC
ITC03004	Thiết kế đồ họa máy tính	2	TC
ITC03005	Phát triển ứng dụng web cơ bản	2	TC

Ghi chú: BB = bắt buộc; TC = tự chọn

8. Kế hoạch học tập *(dự kiến)*

Học kỳ	TT	Tên học phần tiếng Việt	Tên học phần bằng tiếng Anh	Mã học phần	Tổng số tín chỉ	Lý thuyết	Thực hành	Tên học phần tiên quyết	Mã học phần tiên quyết	Loại tiên quyết (*)	BB/TC	Tổng số TC tối thiểu phải chọn	Tổng số TC/ kỳ
1	1	Tin học đại cương	Basics of Informatics	TH01009	2	1	1				**BB**	0	15
1	2	Nguyên lý kinh tế	Principles of Economics	KT02003	3	3	0				**BB**		
1	3	Pháp luật đại cương	Foundation law	ML01009	2	2	0				**BB**		
1	4	Triết học Mác - Lê Nin	Philosophy of Marxism and Leninism	ML01020	3	3	0				**BB**		
1	5	Xác suất thống kê	Probability and statistics	TH01007	3	3	0				**BB**		
1	6	Trắc địa 1	Geodesy 1	QL02031	2	1,5	0,5				**BB**		
1	7	Giáo dục thể chất đại cương	General physical education	GT01016	1	0	1				**PC/BB**		
1	8	Tiếng anh bổ trợ	An Introduction to CEFR-based Tests	SN00010	1	1	0				**-**		
1	9	Giáo dục quốc phòng		QS01011 QS01012 QS01013 QS01014	11						**PC/BB**		
2	10	Thổ nhưỡng	Pedology	QL02047	2	1,5	0,5				**BB**	0	15
2	11	Marketting căn bản	Basics of Marketing	KQ02106	3	3	0				**BB**		
2	12	Luật đất đai	Land Law	ML03025	2	2	0				BB		
2	13	Kinh tế chính trị Mác -Lê Nin	Political economy of Marxism and Leninism	ML01021	2	2	0	Triết học Mác - Lê Nin	ML01020	2	BB		

Học kỳ	TT	Tên học phần tiếng Việt	Tên học phần bằng tiếng Anh	Mã học phần	Tổng số tín chỉ	Lý thuyết	Thực hành	Tên học phần tiên quyết	Mã học phần tiên quyết	Loại tiên quyết (*)	BB/TC	Tổng số TC tối thiểu phải chọn	Tổng số TC/ kỳ
2	14	Hệ thống thông tin địa lý	Geographic Information System (GIS)	QL02019	2	2	0				BB		
2	15	Cấp thoát nước	Water Supply and Sanitation	QL01015	2	2	0				**BB**		
2	16	Đồ họa ứng dụng	Graphic Design Application	QL02032	2	1	1				**BB**		
2	17	Tiếng anh 0	English 0	SN00011	2	2	0				**-**		
2	18	Kỹ năng mềm: 90 tiết (Chọn 3 trong 10 học phần, mỗi học phần 30 tiết: Kỹ năng giao tiếp, Kỹ năng lãnh đạo, Kỹ năng quản lý bản thân, Kỹ năng tìm kiếm việc làm, Kỹ năng làm việc nhóm, Kỹ năng hội nhập quốc tế, Kỹ năng khởi nghiệp, Kỹ năng bán hàng, Kỹ năng thuyết trình, Kỹ năng làm việc với các bên liên quan)		KN01001/ KN01002/ KN01003/ KN01004/ KN01005/ KN01006/ KN01007/ KN01008/ KN01009/ KN01010	6	6	0				PC/BB		

Học kỳ	TT	Tên học phần tiếng Việt	Tên học phần bằng tiếng Anh	Mã học phần	Tổng số tín chỉ	Lý thuyết	Thực hành	Tên học phần tiên quyết	Mã học phần tiên quyết	Loại tiên quyết (*)	BB/TC	Tổng số TC tối thiểu phải chọn	Tổng số TC/ kỳ
2	19	Giáo dục thể chất (chọn 2 trong 9 HP: Điền kinh, Thể dục Aerobic, Bóng đá, Bóng chuyền, Bóng rổ, Cầu Lông, Cờ vua, Khiêu vũ, thể thao, bơi)		GT01017/ GT01018/ GT01019/ GT01019/ GT01020/ GT01021/ GT01022/ GT01023/ GT01014/ GT01015	2	2	0				PC/BB		
3	20	Tiếng anh 1	English 1	SN01032	3	3	0	Tiếng anh 0	SN00011	3	BB	2	17
3	21	Chủ nghĩa xã hội khoa học	Socialism	ML01022	2	2	0				BB		
3	22	Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế xã hội	Master Planning	QL03094	2	2	0				BB		
3	23	Kinh tế bất động sản	Real Estate Economics	KT03099	2	1,5	0,5				BB		
3	24	Luật kinh doanh bất động sản	Real Estate Business Law	ML03044	2	2	0				BB		
3	25	Cơ sở dữ liệu đất đai	Land DataBase	QL02022	2	1,5	0,5				BB		
3	26	Bản đồ địa chính	Cadastral Map	QL02016	2	1,5	0,5				BB		
3	27	Tâm lý học đại cương	Basic psychocology	SN01016	2	2	0				TC		
3	28	Xã hội học đại cương 1	Introduction to Sociology 1	ML01007	2	2	0				TC		
4	29	Tiếng anh 2	English 2	SN01033	3	3	0	Tiếng anh 1	SN01032	3	BB	4	17

Học kỳ	TT	Tên học phần tiếng Việt	Tên học phần bằng tiếng Anh	Mã học phần	Tổng số tín chỉ	Lý thuyết	Thực hành	Tên học phần tiên quyết	Mã học phần tiên quyết	Loại tiên quyết (*)	BB/TC	Tổng số TC tối thiểu phải chọn	Tổng số TC/ kỳ
4	30	Tư tưởng Hồ Chí Minh	Ho Chi Minh ideology	ML01005	2	2	0	Chủ nghĩa xã hội khoa học	ML01022	2	BB		
4	31	Quản lý nhà nước về đất đai	Land Administration	QL03028	2	2	0				BB		
4	32	Quy hoạch sử dụng đất	Land Use Planning	QL03087	2	2	0				BB		
4	33	Định giá bất động sản	Real Estate Valuation	QL03092	2	1,5	0,5				BB		
4	34	Quy hoạch đô thị và khu dân cư nông thôn	Urban and rural residentail Planning	QL03089	2	2	0				BB		
4	35	Đánh giá đất	Land Evaluation	QL03014	2	2	0				TC		
4	36	Viễn thám	Remote sensing	QL02029	2	1,5	0,5				TC		
4	37	Tin học ứng dụng VBĐ	Applied informatics in mapping	QL03053	2	1	1				TC		
4	38	Bản đồ học	Cartography	QL02017	2	1,5	0,5				TC		
5	39	Tiếng anh chuyên ngành quản lý BĐS	English for Real Estate Management	SN03097	2	2	0	Tiếng anh 2	SN01033	2	BB	4	20
5	40	Lịch sử đảng cộng sản Việt Nam	Vietnamese Communist Party History	ML01023	2	2	0	Tư tưởng Hồ Chí Minh	ML01005	2	BB		
5	41	Đăng ký thống kê đất đai	Land registration and statistics	QL03088	2	1,5	0,5	Quản lý nhà nước về đất đai	QL03028	2	BB		
5	42	Hệ thống thông tin bất động sản	Real Estate Information system	QL03046	2	1,5	0,5	Hệ thống thông tin địa lý	QL02019	2	BB		
5	43	Quản lý đất đô thị	Project of Land Use Planning	QL03074	2	1,5	0,5				BB		

Học kỳ	TT	Tên học phần tiếng Việt	Tên học phần bằng tiếng Anh	Mã học phần	Tổng số tín chỉ	Lý thuyết	Thực hành	Tên học phần tiên quyết	Mã học phần tiên quyết	Loại tiên quyết (*)	BB/TC	Tổng số TC tối thiểu phải chọn	Tổng số TC/ kỳ
5	44	Quản lý sàn giao dịch bất động sản	Real Estate Trade Center Management	QL03077	2	2	0	Định giá bất động sản	QL03092	2	BB		
5	45	Thị trường bất động sản	Real Estate market	QL03041	2	2	0				BB		
5	46	Tư vấn đầu tư BĐS	Real Estate Investment Consulting	QL03078	2	1,5	0,5				BB		
5	47	Luật xây dựng và nhà ở	Construction Law and Housing Law	ML02032	2	1,5	0,5				TC		
5	48	Quy hoạch vùng	Regional Planning	QL03095	2	2	0				TC		
5	49	Hệ thống thông tin đất đai	Land Information System (LIS)	QL03097	2	1,5	0,5	Hệ thống thông tin địa lý	QL02019	2	TC		
6	50	Thanh tra đất	Land Inspection	QL03029	2	1,5	0,5	Quản lý nhà nước về đất đai	QL03028	2	BB	4	20
6	51	Thuế bất động sản	Real Estate Tax	QL03030	2	1,5	0,5				BB		
6	52	Đàm phán trong kinh doanh bất động sản	Negotiations in the real estate business	QL03105	2	1,5	0,5				BB		
6	53	Thực tập nghề nghiệp 1 ngành Quản lý Bất động sản	Fieldtrips 1 of REM	QL04021	10		10	Quản lý nhà nước về đất đai	QL03028	2	BB		
6	54	Tham vấn cộng đồng trong quản lý đất đai	Community based land management	QL03050	2	2	0				TC		
6	55	Phương pháp lập dự án đầu tư	Investment project design methods	QL03042	2	2	0				TC		

Học kỳ	TT	Tên học phần tiếng Việt	Tên học phần bằng tiếng Anh	Mã học phần	Tổng số tín chỉ	Lý thuyết	Thực hành	Tên học phần tiên quyết	Mã học phần tiên quyết	Loại tiên quyết (*)	BB/TC	Tổng số TC tối thiểu phải chọn	Tổng số TC/ kỳ
6	56	Phong thủy trong kinh doanh bất động sản	Applying Feng-shui in Real estate business	QL03080	2	1,5	0,5				TC		
6	57	Quy hoạch môi trường	Environmental Planning	QL03034	2	2	0				TC		
7	58	Quản trị bất động sản	Real Estate Management	QL03093	2	1,5	0,5				BB		
7	59	Giao đất và thu hồi đất	Land Allocation and Reclaime	QL03091	3	2	1	Luật đất đai			BB		
7	60	Quy hoạch cảnh quan	Landscape planning	QL03032	2	1,5	0,5				BB	0	17
7	61	Thực tập nghề nghiệp 2 ngành Quản lý Bất động sản	Fieldtrips 2 of REM	QL04022	10		10	Thị trường BĐS			BB		
8	62	Khóa luận tốt nghiệp ngành Quản lý Bất động sản	Thesis	QL04995	10	**0**	10	Thực tập nghề nghiệp ngành Quản lý bất động sản 1,2		3	BB	0	10

(*): 1 - song hành, 2 - học trước, 3 - tiên quyết

Tổng số tín chỉ bắt buộc: 117

Tổng số tín chỉ tự chọn: 14

Tổng số tín chỉ của CTĐT: 131

9. Mô tả vắn tắt nội dung và khối lượng các học phần

9.1. Các học phần đại cương

KQ02106 **Marketting căn bản (Basics of Marketing). (3TC: 3-0-6).** Tổng quan về marketing; Hệ thống thông tin và nghiên cứu marketing; Môi trường marketing; Nhận dạng nhu cầu và hành vi khách hàng; Phân đoạn và định vị thị trường; Marketing về sản phẩm, giá cả, phân phối và xúc tiến hỗn hợp; Tổ chức bộ máy marketing của doanh nghiệp.

KT02003 **Nguyên lý kinh tế (Principles of Economics). (3TC: 3-0-6).** Những vấn đề cơ bản của Kinh tế học; Những nguyên lý cơ bản của kinh tế học vi mô; Những nguyên lý cơ bản của kinh tế học vĩ mô. *Học phần học trước: Toán cao cấp.*

ML01005 **Tư tưởng Hồ Chí Minh (Ho Chi Minh Ideology). (2TC: 2-0-4).** Đối tượng, phương pháp nghiên cứu và ý nghĩa học tập môn tư tưởng Hồ Chí Minh; Cơ sở, quá trình hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh; Tư tưởng Hồ Chí Minh về vấn đề dân tộc và cách mạng giải phóng dân tộc; Tư tưởng Hồ Chí Minh về CNXH và con đường quá độ lên CNXH ở Việt Nam; Tư tưởng Hồ Chí Minh về Đảng Cộng sản Việt Nam; Tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết dân tộc và đoàn kết quốc tế; Tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng nhà nước của dân, do dân, vì dân; Tư tưởng Hồ Chí Minh về văn hoá, đạo đức và xây dựng con người mới. *Học phần học trước: Nguyên lý Mác - Lênin 2.*

ML01007 **Xã hội học đại cương 1 (Introduction to Sociology 1). (2TC: 2-0-4).** Quá trình hình thành và phát triển của xã hội học. Đối tượng và phương pháp nghiên cứu của xã hội học. Cơ cấu xã hội. Hành động xã hội và tương tác xã hội. Vị thế và vai trò xã hội.

ML01009 **Pháp luật đại cương (Introduction to Laws). (2TC: 2-0-4).** Một số vấn đề lý luận cơ bản về Nhà nước và Pháp luật; Một số nội dung cơ bản về Nhà nước và Pháp luật nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam; Nội dung cơ bản của Luật Dân sự và Luật Hình sự; Nội dung cơ bản của Luật Kinh tế, Luật Lao động, Luật Hôn nhân và Gia đình; Nội dung cơ bản của Luật Hành chính và pháp luật về phòng, chống tham nhũng.

ML01020 **Triết học Mác-Lênin (Philosophy of Marxism and Leninism) (3TC: 3-0-6).** Học phần gồm 3 chương giúp sinh viên hiểu biết có tính căn bản, hệ thống về triết học Mác – Lênin, xây dựng thế giới quan duy vật và phương pháp luận biện chứng duy vật. Nội dung bao gồm: Triết học và vai trò của triết học trong đời sống; chủ nghĩa duy vật biện chứng, gồm vấn đề vật chất và ý thức, phép biện chứng duy vật, lý luận nhận thức của chủ nghĩa duy vật biện chứng; chủ nghĩa duy vật lịch sử, gồm vấn đề hình thái kinh tế - xã hội, giai cấp và dân tộc, nhà nước và cách mạng xã hội, ý thức xã hội, triết học về con người.

ML01021 **Kinh tế chính trị Mác-Lênin (Political economy of Marxism and Leninism) (2TC: 2-0-4).** Học phần gồm 6 chương giúp sinh viên hiểu biết những tri thức cơ bản, cốt lõi của Kinh tế chính trị Mác – Lênin trong bối cảnh phát triển kinh tế của đất nước và thế giới ngày nay. Nội dung bao gồm: Đối tượng, phương pháp nghiên cứu và chức năng của kinh tế chính trị Mác – Lênin; hàng hóa, thị trường và vai trò của các chủ thể tham gia thị trường; giá trị thặng dư trong nền kinh tế thị trường; cạnh tranh và độc quyền trong nền kinh tế thị trường; kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và các quan hệ lợi ích kinh tế ở Việt Nam; công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam.

ML01022 **Chủ nghĩa xã hội khoa học (Socialism) (2TC: 2-0-4).** Học phần gồm 7 chương giúp sinh viên nắm được những tri thức cơ bản, cốt lõi nhất về chủ nghĩa xã hội khoa học. Nội dung bao gồm: Nhập môn chủ nghĩa xã hội khoa học; sứ mệnh lịch

sử của giai cấp công nhân; chủ nghĩa xã hội và thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội; dân chủ xã hội chủ nghĩa và nhà nước xã hội chủ nghĩa; cơ cấu xã hội hội – giai cấp và liên minh giai cấp, tầng lớp trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội; vấn đề dân tộc và tôn giáo trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội; vấn đề gia đình trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội.

ML01023 **Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam (Vietnamese Communist Party History) (2TC: 2-0-4, 90).** Học phần trang bị cho sinh viên sự hiểu biết về đối tượng, mục đích, nhiệm vụ, phương pháp nghiên cứu, học tập học phần Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam và kiến thức cơ bản, hệ thống, cốt lõi về: sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam (1920-1930); quá trình lãnh đạo cuộc đấu tranh giành chính quyền (1930-1945); lãnh đạo hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đề quốc Mỹ xâm lược, hoàn thành giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước (1975-2018); khẳng định những thành công, hạn chế, tổng kết kinh nghiệm về sự lãnh đạo cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam.

QL01015 **Cấp thoát nước (Water supply and sanitation). (02: 2 - 0 - 4).** Khái quát chung về hệ thống cấp và thoát nước; Cấp nước bên ngoài công trình; Hệ thống cấp nước lạnh trong nhà; Thoát nước bên ngoài công trình; Hệ thống thoát nước trong nhà.

QL02017 **Bản đồ học (Cartography). (2TC: 1,5-0,5-4):** Khái niệm cơ bản về bản đồ học; Cơ sở toán học của bản đồ (Phép chiếu, Tỷ lệ bản đồ, Phân mảnh bản đồ, Hệ tọa độ); Tổ chức thành lập bản đồ và tổng quát hóa bản đồ; Ngôn ngữ bản đồ; Thiết kế, biên tập và thành lập bản đồ; Sử dụng bản đồ và đánh giá chất lượng bản đồ; Ứng dụng công nghệ số trong thành lập bản đồ. *Học phần học trước: Không.*

QL02031 **Trắc địa 1** (G**eodesy 1). (2TC: 1,5-0,5-4).** Những kiến thức chung về trắc địa; các mặt đặc trưng trong trắc địa; độ cao; chênh cao; bình đồ, bản đồ; các hệ thống toạ độ; bài toán xác định toạ độ vuông góc phẳng. Phương pháp đo cao; Cấu tạo máy và mia thuỷ chuẩn; đo cao hạng IV; đo cao lượng giác. Đo vẽ bình đồ: Máy kinh vĩ và toàn đạc điện tử; các phương pháp đo góc, đo khoảng cách. Thiết kế, đo đạc, bình sai lưới khống chế đo vẽ. Đo vẽ chi tiết, thành lập bản đồ. Các phương pháp tính diện tích.

QL02032 **Đồ họa ứng dụng (Graphic Design Application). (2TC: 1-1-4).** Nắm được tổng quan về kỹ thuật đồ họa: các khái niệm tổng quan của kỹ thuật đồ họa máy, các kỹ thuật đồ họa, phần cứng đồ họa; Hệ tọa độ và các phép biến đổi trong đồ họa; Phép chiếu trong đồ họa: khái niệm chung, phép chiếu, phép chiếu song song, phép chiếu phối cảnh; Màu sắc trong đồ họa: ánh sáng và màu sắc, các hệ màu trong màn hình đồ họa và chuyển đổi giữa các hệ màu; Giới thiệu phần mềm AutoCAD; Thực hành với phần mềm AutoCAD.

QL02047 **Thổ nhưỡng (Pedology). (2TC:1,5-0,5-4).** Các quá trình hình thành đất; các tính chất hóa học của đất; các tính chất vật lý của đất và nước trong đất; một số nhóm đất chính của Việt Nam. *Học phần học trước: Hóa đại cương*

SN01016 **Tâm lý học đại cương (Introduction to Psychology). (2TC: 2 - 0 - 6).** Học phần này bao gồm những kiến thức cơ bản về Tâm lý học như đối tượng, nhiệm vụ của tâm lý học; bản chất của tâm lý người; các cơ sở tự nhiên cơ sở xã hội của tâm lý; sự hình thành tâm lý, ý thức; hoạt động nhận thức; đời sống tình cảm và nhân cách của con người.

SN01032 **Tiếng Anh 1 (English 1). (3TC: 3-0-6).** Getting to know you (làm quen với bạn); The way we live (Phong cách sống); What happened next? (Chuyện gì đã xảy ra tiếp sau đó); The market place (Nơi họp chợ); What do you want to do? (Bạn muốn làm gì?); Places and things (Các địa điểm và sự việc). *Học phần tiên quyết: Tiếng Anh 0/Tiếng Pháp 1*.

SN01033 **Tiếng Anh 2 (English 2). (3TC: 3-0-6).** Fame (Danh tiếng); Do's and Don'ts (Những việc nên làm và những việc không nên làm); Going places (đi du lịch và trải nghiệm); Things that changed the world (Những thứ làm thay đổi thế giới); What if…? (Điều gì sẽ xảy ra nếu…); Trying your best (Cố gắng hết sức). *Học phần tiên quyết: Tiếng Anh 1/Tiếng Pháp 2*.

TH01007 **Xác suất thống kê (Probability and Statistics). (3TC: 3-0-6).** Phép thử, sự kiện; Xác suất; Biến ngẫu nhiên; Những khái niệm cơ bản mở đầu về thống kê; Ước lượng tham số; Kiểm định giả thuyết thống kê; Tương quan và hồi quy. *Học phần trước: Giải tích hoặc Toán cao cấp.*

TH01009 **Tin học đại cương (Introduction to informatics). (2TC: 1,5-0,5-4).** Giới thiệu chung về tin học; Cấu trúc máy tính; Phần mềm máy tính và hệ điều hành; Mạng máy tính và Internet; Cơ sở dữ liệu; Thuật toán và ngôn ngữ lập trình; Các vấn đề xã hội của công nghệ thông tin.

9.2. Các học phần cơ sở ngành

KT03099 **Kinh tế bất động sản (Real Estate Economics). (2TC: 1,5-0,5-4).** Khái quát về kinh tế bất động sản; Cầu bất động sản và các yếu tố ảnh hưởng đến cung bất động sản; Quan hệ cung cầu và sự hình thành giá cả trên thị trường bất động sản; Phân tích đầu tư bất động sản.

ML02032 **Luật xây dựng và nhà ở (Construction and housing Law). (2TC: 1,5-0,5-4).** Giới thiệu một số nội dung cơ bản về pháp luật xây dựng, quy hoạch xây dựng; Quản lý nhà nước về dự án đầu tư xây dựng, quyền và nghĩa vụ của các bên liên quan, khảo sát xây dựng, thiết kế xây dựng công trình, đấu thầu trong xây dựng; Trách nhiệm quản lý nhà nước về xây dựng, hợp đồng xây dựng, giấy phép xây dựng; Chính sách nhà nước về nhà ở, chính sách phát triển nhà ở, quản lý giao dịch về nhà ở; Sở hữu nhà ở, quản lý sử dụng nhà ở, quyền và nghĩa vụ của chủ sử hữu nhà ở và người sử dụng nhà ở.

ML03025 **Luật đất đai (Land Law). (2TC: 2-0-4).** Một số vấn đề cơ bản về ngành Luật Đất đai; Chế độ quản lý nhà nước đối với đất đai; Chế độ pháp lý các loại đất; Địa vị pháp lý của người sử dụng đất; Thủ tục hành chính trong quản lý và sử dụng đất. *Học phần học trước: Không.*

ML03044 **Luật kinh doanh bất động sản (Law of Real Estate Business). (2TC: 1,5-0,5-4).** Giới thiệu tổng quan pháp luật về kinh doanh bất động sản tại Việt Nam, chính sách của nhà nước đối với đầu tư kinh doanh bất động sản, nguyên tắc kinh doanh bất động sản và các loại bất động sản đưa vào kinh doanh. Một số quy định chung về kinh doanh bất động sản Việt Nam, quy định về kinh doanh bất động sản, quy định chung về kinh doanh dịch vụ bất động sản; Những vấn đề pháp lý về hợp đồng kinh doanh bất động sản; Giới thiệu quản lý nhà nước về kinh doanh bất động sản, các quy định quản lý nhà nước về kinh doanh bất động sản. *Học phần học trước: Không.*

QL02016 **Bản đồ địa chính (Cadastral map). (2TC: 1,5-0,5-4).** Khái quát về địa chính và bản đồ địa chính, nội dung bản đồ địa chính; cơ sở toán học của bản đồ địa chính; quy trình công nghệ thành lập bản đồ địa chính; trình bày bản đồ địa chính; sử dụng, hiện chỉnh bản đồ địa chính, lưu trữ và quản lý bản đồ địa chính. *Học phần học trước: Không.*

QL02019 **Hệ thống thông tin địa lý (Geographic Information System). (2TC: 2-0-4)**. Giới thiệu chung về Hệ thống thông tin địa lý (GIS); Cấu trúc dữ liệu trong GIS; Mô hình số hóa độ cao (DEM): Phương pháp biểu thị DEM, phương pháp xây

dựng DEM; Phân tích dữ liệu trong GIS: chức năng tạo vùng đệm, chức năng chồng xếp bản đồ, chức năng nội suy không gian, chức năng tìm kiếm, chức năng phân tích mạng lưới.

QL02022 **Cơ sở dữ liệu đất đai (Land DataBase). (2TC: 1,5-0,5-4).** Các khái niệm cơ bản về cơ sở dữ liệu; Mô hình cơ sở dữ liệu quan hệ; Cơ sở dữ liệu đất đai; Ngôn ngữ SQL trong cơ sở dữ liệu đất đai.

QL02029 **Viễn thám (Remote sensing). (2TC: 1,5-0,5-4).** Khái niệm cơ bản về viễn thám; Lý thuyết phản xạ phổ của các đối tượng tự nhiên; Giải đoán ảnh viễn thám; Viễn thám trong nghiên cứu tài nguyên và môi trường. Một số ứng dụng của viễn thám trong quản lý tài nguyên đất và môi trường.

QL03014 **Đánh giá đất (Land evaluation). (2TC: 2-0-4).** Giới thiệu chung về môn học; Đơn vị bản đồ đất đai (LMU); Xác định các loại sử dụng đất đai (LUT); Phân hạng thích hợp đất đai; Đánh giá đất theo FAO ở Việt Nam. *Học phần học trước: Thổ nhưỡng chuyên khoa.*

QL03028 **Quản lý nhà nước về đất đai (Land Administration). (2TC: 2-0-4).** Cơ sở của quản lý nhà nước về đất đai; Cơ quan quản lý đất đai Việt Nam; Nội dung quản lý nhà nước về đất đai; Quản lý sử dụng các loại đất. *Học phần học trước: Không.*

QL03053 **Tin học ứng dụng vẽ bản đồ (Applied Informatics in Mapping). (2TC: 1-1-4).** Xây dựng cơ sở dữ liệu bản đồ; Mô hình dữ liệu bản đồ; Chuẩn hoá dữ liệu bản đồ; Hệ thống phần mềm lập bản đồ. Thực hành: Ứng dụng hệ thống phần mềm của bộ Tài nguyên và Môi trường trong công tác lập bản đồ. *Học phần trước*: *Trắc địa 1.*

QL03087 **Quy hoạch sử dụng đất (Land Use Planning). (2TC: 2-0-4).** Vai trò của đất trong sự phát triển kinh tế, xã hội; Bản chất của quy hoạch sử dụng đất; Đặc điểm quy hoạch sử dụng đất trên thế giới và Việt Nam; Sự cần thiết và nội dung quy hoạch sử dụng đất cấp tỉnh và cấp huyện; Những vấn đề chung của quy hoạch sử dụng đất cấp xã; Quy hoạch sử dụng đất phi nông nghiệp; Quy hoạch sử dụng đất nông nghiệp; Quản lý và tổ chức thực hiện quy hoạch sử dụng đất.

QL03094 **Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế xã hội (Master Planning). (2TC: 2-0-4).** Đại cương quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội; Cơ sở lý luận quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội; Nội dung quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội; Giới thiệu quy trình quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế- xã hội đã áp dụng trên thế giới và ở Việt Nam.

9.3. Các học phần chuyên ngành

QL03029 **Thanh tra đất (Land Inspection). (2TC: 2-0-4).** Những quy định chung về thanh tra; Cơ quan thực hiện chức năng thanh tra; Thanh tra đất đai; Xử phạt vi phạm hành chính về đất đai; Giải quyết khiếu nại, tố cáo; Giải quyết tranh chấp đất đai. *Học phần học trước: Quản lý nhà nước về đất đai.*

QL03030 **Thuế bất động sản (Real Estate Tax). (2TC: 1,5-0,5-4).** Khái quát về thuế và hệ thống thuế; Hệ thống thuế tài sản một số nước trên thế giới; Hệ thống thuế ở Việt Nam; Thuế bất động sản ở Việt Nam bao gồm thuế sử dụng đất nông nghiệp, thuế sử dụng đất phi nông nghiệp, thuế tài nguyên, thuế thu nhập cá nhân, thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập doanh nghiệp; phí, lệ phí và các nghĩa vụ tài chính khác liên quan tới bất động sản.

QL03032 **Quy hoạch cảnh quan (Landscape planning). (2TC: 1,5-0,5-4).** Khái niệm chung về quy hoạch cảnh quan; Quy hoạch cảnh quan ở Việt Nam và trên thế giới;

Đối tượng, phương pháp nghiên cứu và trình tự lập quy hoạch cảnh quan; Các nguyên tắc bố cục quy hoạch cảnh quan; Quy hoạch cảnh quan vùng nông thôn; Quy hoạch cảnh quan vùng đô thị; Quy hoạch không gian cảnh quan các khu chức năng.

QL03034 **Quy hoạch môi trường (Environmental Planning). (2TC: 2-0-4).** Những vấn đề cơ bản của quy hoạch môi trường; Hoạch định môi trường tự nhiên và phân vùng môi trường; Nội dung quy hoạch môi trường; Các phương pháp đánh giá trong quy hoạch môi trường; Quy hoạch phòng ngừa và xử lý ô nhiễm môi trường; Quy hoạch môi trường các lĩnh vực ngành kinh tế xã hội; Thực tiễn quy hoạch môi trường.

QL03041 **Thị trường bất động sản (Real estate market). (2TC: 2-0-4).** Bất động sản và thị trường bất động sản; Pháp luật về bất động sản; Kinh doanh bất động sản; Quản lý Nhà nước đối với thị trường bất động sản; Quá trình hình thành và phát triển thị trường bất động sản ở Việt Nam. *Học phần trước: Định giá bất động sản.*

QL03042 **Phương pháp lập dự án đầu tư (Investment project design methods). (2TC: 1,5 - 0,5 - 4).** Mô tả vắn tắt nội dung: Khái niệm, yêu cầu và phân loại đầu tư; Trình tự và các nội dung lập dự án đầu tư; Một số vấn đề và nội dung phân tích tài chính dự án đầu tư; Phân tích kinh tế xã hội với nội dung và mục tiêu và tác động của dự án, các phương pháp đánh giá hiệu quả kinh tế; Đánh giá dự án đầu tư tác động đến môi trường với trình tự và phương pháp xác định; Nội dung, trình tự lập và thẩm định dự án đầu tư nông nghiệp, dự án đầu tư phát triển nông thôn; Quản lý dự án đầu tư.

QL03046 **Hệ thống thông tin bất động sản (Real estate information system) (2TC: 1,5-0,5-4).** Tổng quan về hệ thống thông tin bất động sản; Cơ sở dữ liệu bất động sản; Thiết kế, xây dựng mô hình đăng ký và quản lý thông tin bất động sản; Thiết lập hệ thống thông tin bất động sản dùng công nghệ GIS. *Học phần học trước: Hệ thống thông tin địa lý.*

QL03050 **Tham vấn cộng đồng trong quản lý đất đai (Community based land management). (2TC: 2-0-4).** Khái quát chung về cộng đồng, cơ sở lý thuyết phát triển cộng đồng, cơ sở thực tiễn phát triển cộng đồng, năng lực tự quản trong phát triển cộng đồng, tiến trình phát triển cộng đồng, phương pháp tiếp cận trong phát triển cộng đồng. Các vấn đề văn hóa xã hội trong quản lý đất đai; Nghiên cứu có sự tham gia của cộng đồng trong quy hoạch và quản lý đất đai; Lập kế hoạch quản lý tài nguyên dựa vào cộng đồng; Một số mô hình quy hoạch và quản lý đất đai trên dựa vào cộng đồng.

QL03074 **Quản lý đất đô thị (Project of Land Use Planning). (2TC: 2-0-4).** Cơ sở của quản lý đất đô thị, Nội dung quản lý đất đô thị; Quản lý đất đô thị trên thế giới và Việt Nam. *Học phần học trước: Không.*

QL03077 **Quản lý sàn giao dịch bất động sản (Management of Real Estate Trading Floors). (2TC: 2-0-4).** Cơ sở lý luận và thực tiễn về quản lý sàn giao dịch bất động sản; Quy trình và kỹ năng môi giới bất động sản; Thủ tục giao dịch đối với một số loại bất động sản thông dụng; Hoàn thiện hệ thống quản lý sàn giao dịch bất động sản ở Việt Nam. *Học phần trước: Định giá bất động sản.*

QL03078 **Tư vấn đầu tư bất động sản (Real Estate Investment Consulting). (2TC: 1,5-0,5-4).** Khái quát về nghiệp vụ tư vấn đầu tư bất động sản, Các kiến thức chung liên quan đến nghề tư vấn. Các kiến thức cơ bản liên quan đến năng lực cá nhân của một tư vấn viên. Những nghiệp vụ tư vấn đầu tư bất động sản: Tư vấn cơ hội đầu tư, pháp lý, chiến lược tiếp cận thị trường, tài chính, thực hiện các dịch vụ đầu

tư bất động sản; Tư vấn lập kế hoạch kinh doanh và trình tự thực hiện dự án; Tư vấn quản lý dự án sau xây dựng; Tư vấn cho thuê, mua bán, rủi ro đầu tư bất động sản. *Học phần học trước: Không.*

QL03080 **Phong thủy trong kinh doanh bất động sản (Feng-shui in Real estate business): (2TC: 1,5-0,5-4).** Những khái niệm cơ bản về phong thủy; cơ sở khoa học của phong thủy học; ứng dụng phong thủy học trong kinh doanh bất động sản. Một số bài tập ứng dụng phong thủy trong kinh doanh bất động sản.

QL03088 **Đăng ký thống kê đất đai (Land registration and statistic). (2TC: 1,5-0,5-4).** Đăng ký đất và tài sản gắn liền với đất; cấp giấy chứng nhận; đăng ký biến động về đất và tài sản gắn liền với đất; lập và quản lý hồ sơ địa chính; thống kê đất đai. Học phần học trước: QL03028 – Quản lý Nhà nước về đất đai.

QL03089 **Quy hoạch đô thị và khu dân cư nông thôn (Urban and Rural residential Planning). (2TC: 2-0-4).** Cơ cấu cư dân trong phạm vi vùng lãnh thổ; Đô thị và quá trình phát triển đô thị; Quy hoạch chung cải tạo và xây dựng đô thị; Quy hoạch xây dựng các khu chức năng trong đô thị; Thiết kế quy hoạch chi tiết đô thị; Điểm dân cư nông thôn và quá trình phát triển; Quy hoạch mạng lưới điểm dân cư nông thôn; Quy hoạch phát triển hạ tầng kỹ thuật khu dân cư nông thôn trên các vùng đặc trưng; Quản lý quy hoạch xây dựng phát triển nông thôn.

QL03091 **Giao đất, thu hồi đất (Allocation and recovery of land). (3TC: 2-1-6).** Cơ sở lý luận và thực tiễn về giao đất, cho thuê đất; Giao đất, cho thuê đất; Chuyển mục đích sử dụng đất; Thu hồi đất; Tiền sử dụng đất và tiền thuê đất. *Học phần học trước: Luật Đất đai.*

QL03092 **Định giá bất động sản (Property Valuation). (2TC: 1,5-0,5-4).** Giá bất động sản và cơ sở khoa học xác định giá bất động sản; Nguyên tắc và phương pháp định giá bất động sản; Định giá bất động sản ở một số nước trên thế giới; Định giá bất động sản ở Việt Nam.

QL03093 **Quản trị bất động sản (Real Estate Management). (2TC: 2-0-4).** Cơ sở lý luận về quản trị bất động sản; Nội dung quản trị bất động sản; Hợp đồng quản trị bất động sản; Quản trị bất động sản trên thế giới và tại Việt Nam. *Học phần học trước: không*

QL03095 **Quy hoạch vùng (Regional Planning). (2TC: 1,5-0,5-4).** Quy hoạch vùng trong phát triển kinh tế - xã hội và bảo vệ môi trường; Khái niệm cơ bản của quy hoạch vùng; Các hình thái quy hoạch vùng trên thế giới và ở Việt Nam; Cơ sở khoa học và lý luận của quy hoạch vùng; Nội dung cơ bản của quy hoạch vùng; Đặc điểm quy hoạch vùng ở Việt Nam; Thực hành xây dựng chuyền đề.

QL03097 **Hệ thống thông tin đất đai (Land Information System - LIS). (2TC: 1,5-0,5-4).** Khái niệm cơ bản về thông tin, hệ thống, hệ thống thông tin; Hệ thống thông tin đất đai; Quản lý thông tin đất đai; Phân tích thiết kế xây dựng hệ thống thông tin đất đai; Tính kinh tế của một hệ thống thông tin đất đai. Hướng dẫn sử dụng phần mềm; Xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai và Khai thác cơ sở dữ liệu đất đai phục vụ công tác quản lý đất đai. *Học phần học trước: Hệ thống thông tin địa lý.*

QL03105 **Đàm phán trong kinh doanh bất động sản (Negotiations in the real estate business). (2TC: 1,5-0,5-4)**. Tổng quan về đàm phán trong kinh doanh bất động sản; Các kỹ năng đàm phán trong kinh doanh bất động sản; Quy trình đàm phán trong kinh doanh bất động sản; Thực hành đàm phán một thương vụ trong kinh doanh bất động sản. *Học phần học trước: không.*

QL04021 **Thực tập nghề nghiệp 1 ngành Quản lý Bất động sản (Fieldtrips 1 of REM) - (10TC: 0-10-10).** Thực tập một số nội dung tại địa phương: đo đạc chỉnh lý bản đồ địa chính và bản đồ hiện trạng sử dụng đất, thống kê kiểm kê đất đai, đăng ký đất đai cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất; Lập quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất. Ứng dụng phần mềm chuyên ngành trong công tác quản lý đất đai. *Học phần học trước: Quản lý nhà nước về đất đai*

QL04024 **Thực tập nghề nghiệp 2 ngành Quản lý Bất động sản (Field trip** 2**) (10TC: 0-10-20).** Học phần gồm các nội dung: Định giá bất động sản; trình tự thủ tục thực hiện giao dịch đối với một số loại bất động sản; Hồ sơ giao dịch bất động sản; Các loại thuế có liên quan đến bất động sản; Các hoạt động môi giới bất động sản; Các hoạt động tư vấn bất động sản; Tổ chức hoạt động các sàn giao dịch bất động sản. *Học phần học trước: Định giá bất động sản (QL03073)*

QL04995 **Khóa luận tốt nghiệp ngành Quản lý Bất động sản (Thesis). (10TC: 0-10-20).** Sinh viên thực hiện một trong các hướng đề tài sau: Các yếu tố ảnh hưởng đến giá bất động sản, tìm hiểu hoạt động sàn giao dịch bất động sản, hoạt động đầu tư và kinh doanh bất động sản, thực trạng thị trường bất động sản, tình hình quản lý bất động sản, quản lý đất đô thị, quản trị bất động sản. Công tác tài chính liên quan đến bất động sản. Ứng dụng các công nghệ vào quản lý và kinh doanh bất động sản. *Học phần học trước: Thực tập nghề nghiệp: 1,2*

SN03097 **Tiếng anh chuyên ngành quản lý bất động sản** (**English for Real Estate management**). **(Total credits 02; lecture: 02 - practice : 0 - self-study: 04).** Brief description of the course: This course consists of 6 units including Unit 1: Land use management; Unit 2 : Land use planning ; Unit 3 : Land classification; Unit 4: Land evaluation; Unit 5: Soil; Unit 6: The formation of soil.

Hà Nội, ngày 15 tháng 7 năm 2021

KT. TRƯỞNG KHOA

PHÓ TRƯỞNG KHOA

PGS.TS. TRẦN QUỐC VINH

PHỤ LỤC 1

MA TRẬN GIỮA MỤC TIÊU CHƯƠNG TRÌNH VÀ CHUẨN ĐẦU RA CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NGÀNH QUẢN LÝ BẤT ĐỘNG SẢN

Kí hiệu	Mục tiêu CTĐT	Kiến thức chung	Kiến thức chuyên môn			Kỹ năng chung			Kỹ năng chuyên môn			Năng lực tự chủ và trách nhiệm	
		CĐR1	CĐR2	CĐR3	CĐR4	CĐR5	CĐR6	CĐR7	CĐR8	CĐR9	CĐR10	CĐR11	CĐR12
MT1	Người học sau khi tốt nghiệp ngành Quản lý bất động sản trở thành các nhà quản lý, người làm việc trong lĩnh vực quản lý bất động sản mang tính chuyên nghiệp cao.	X	X	X	X								
MT2	Giải quyết những vấn đề thực tiễn trong lĩnh vực Quản lý bất động sản và các lĩnh vực liên quan, đóng góp cho sự phát triển của ngành và sự phát triển kinh tế xã hội.					X	X	X	X	X	X		
MT3	Yêu nghề, có trách nhiệm trong công việc, tôn trọng đồng nghiệp và có đạo đức nghề nghiệp.											X	X

PHỤ LỤC 2

MA TRẬN VỀ SỰ ĐÓNG GÓP CỦA CÁC HỌC PHẦN VỚI CHUẨN ĐẦU RA VỀ KIẾN THỨC, KỸ NĂNG, NĂNG LỰC TỰ CHỦ VÀ TRÁCH NHIỆM

HỌC KỲ	STT	Mã HP	HỌC PHẦN	MỨC ĐỘ ĐÓNG GÓP CHO CHUẨN ĐẦU RA											
				CĐR1	CĐR2	CĐR3	CĐR 4	CĐR 5	CĐR6	CĐR 7	CĐR 8	CĐR 9	CĐR10	CĐR11	CĐR12
1	1	ML01020	Triết học Mác - Lê Nin	R										P	I
1	2	SN00010	Tiếng anh bổ trợ						I						I
1	3	TH01009	Tin học đại cương	R							P				I
1	4	KT02003	Nguyên lý kinh tế	I	P			I						P	I
1	5	ML01009	Pháp luật đại cương		P									R	I
1	6	TH01007	Xác xuất thống kê	R								P			I
1	7	QL02026	Trắc địa 1	P						P	P	P		I	P
2	8	ML01021	Kinh tế chính trị Mác – Lênin	R	P									P	I
2	9	SN00011	Tiếng Anh 0						I						I
2	10	QL01015	Cấp thoát nước	I			P	P				P		I	I
2	11	QL02047	Thổ nhưỡng	R				I		P		P		I	P
2	12	KQ02016	Marketting căn bản		P			I	R				P	P	I
2	13	QL02032	Đồ họa ứng dụng			P		P			R			I	P
2	14	ML03025	Luật đất đai		R	P		P					R	R	P
2	15	QL02019	Hệ thống thông tin địa lý	I		P		P		R	R			I	P

HỌC KỲ	STT	Mã HP	HỌC PHẦN	MỨC ĐỘ ĐÓNG GÓP CHO CHUẨN ĐẦU RA											
				CĐR1	CĐR2	CĐR3	CĐR 4	CĐR 5	CĐR6	CĐR 7	CĐR 8	CĐR 9	CĐR10	CĐR11	CĐR12
3	16	ML01022	Chủ nghĩa xã hội khoa học	R										P	I
3	17	SN01032	Tiếng Anh 1						P						I
3	18	SN01016	Tâm lý học đại cương	I					I	I		I			I
3	19	ML01007	Xã hội học đại cương 1	I					I	I					I
3	20	QL03039	Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế xã hội	I	P	P		I		P				I	I
3	21	KT03099	Kinh tế bất động sản		P	R		P					R	P	R
3	22	ML03044	Luật kinh doanh bất động sản		R	P		P					R	R	P
3	23	QL02022	Cơ sở dữ liệu đất đai			P		R			R			I	P
3	24	QL02016	Bản đồ địa chính	I				P			P			I	P
4	25	ML01005	Tư tưởng Hồ Chí Minh	R										P	I
4	26	SN01033	Tiếng Anh 2						P						I
4	27	QL03053	Tin học ứng dụng vẽ bản đồ			I		I			I			I	I
4	28	QL02017	Bản đồ học	I				I						I	I
4	29	QL03028	Quản lý nhà nước về đất đai		P	M		R		I				I	P
4	30	QL03087	Quy hoạch sử dụng đất	I	P	P		R		P				I	P
4	31	QL03014	Đánh giá đất		I	I		I						I	I

HỌC KỲ	STT	Mã HP	HỌC PHẦN	MỨC ĐỘ ĐÓNG GÓP CHO CHUẨN ĐẦU RA											
				CĐR1	CĐR2	CĐR3	CĐR 4	CĐR 5	CĐR6	CĐR 7	CĐR 8	CĐR 9	CĐR10	CĐR11	CĐR12
4	32	QL02029	Viễn thám	I				I			I			I	I
4	33	QL03073	Định giá bất động sản		P	R	P	R				P		I	R
4	34	QL03089	Quy hoạch đô thị và khu dân cư nông thôn	I	P	P		R		P				I	P
5	35	ML01023	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	R											
5	36	ML02032	Luật xây dựng và nhà ở		I	I		I					I	I	I
5	37	SN030xx	Tiếng anh chuyên ngành quản lý bất động sản						R					I	P
5	38	QL03088	Đăng ký thống kê đất đai		P	M		M					R	I	P
5	39	QL03046	Hệ thống thông tin BĐS		P	P		R			R			I	I
5	40	QL03074	Quản lý đất đô thị		P	I		P					P	I	I
5	41	QL03077	Quản lý sàn giao dịch bất động sản		P	R		R				P		I	R
5	42	QL03041	Thị trường bất động sản		P	R		R				P		I	R
5	43	QL03078	Tư vấn đầu tư BĐS		P	R	P	R						I	R
5	44	QL03095	Quy hoạch vùng	I	I			I		I				I	I
5	45	QL03052	Hệ thống thông tin đất đai		I	I					I			I	I
6	46	QL03029	Thanh tra đất		P	P		I					I	I	I
6	47	QL03030	Thuế bất động sản		P	R	P						I	I	I

HỌC KỲ	STT	Mã HP	HỌC PHẦN	MỨC ĐỘ ĐÓNG GÓP CHO CHUẨN ĐẦU RA											
				CĐR1	CĐR2	CĐR3	CĐR 4	CĐR 5	CĐR6	CĐR 7	CĐR 8	CĐR 9	CĐR10	CĐR11	CĐR12
6	48	QL03075	Đàm phán trong kinh doanh bất động sản		P			I					I	I	I
6	49	QL04021	Thực tập nghề nghiệp 1 ngành Quản lý bất động sản					M	R	M	M	R	R	R	R
6	50	QL03034	Quy hoạch môi trường	I	I	I		I		I				I	I
6	51	QL03050	Tham vấn cộng đồng trong quản lý đất đai	I	I			I	I	I				I	I
6	52	QL03042	Phương pháp lập dự án đầu tư		I		I	I		I				I	I
6	53	QL03080	Phong thủy trong kinh doanh bất động sản	I			I	I						I	I
7	54	QL03032	Quy hoạch cảnh quan	I	I			I		I				I	I
7	55	QL03093	Quản trị bất động sản		P	R		R					R	I	R
7	56	QL03091	Giao đất và thu hồi đất		P	P							I	I	I
7	57	QL04022	Thực tập nghề nghiệp 2 ngành quản lý bất động sản					M	R	M	M	R	R	R	R
8	58	QL04995	Khóa luận tốt nghiệp QLBĐS		M	M		M	M		M	M	M	M	M